

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KIÊN LƯƠNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/DS-ST

Ngày: 21 – 01 – 2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIÊN LƯƠNG - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Đạt
2. Ông Trương Thanh Giảng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Xuân Cường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương - tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiên Lương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kiên Lương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 218/2020/TLST-DS Ngày 02 tháng 11 năm 2020: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-DS, ngày 04 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Huỳnh Ngọc N, sinh năm 1972, có mặt.

Địa chỉ: Ấp S, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thúy L, sinh năm 1971, có mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp S, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Phạm Duy M, sinh năm 1968, có đơn xin vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 3, ấp S, xã B, huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc N trình bày như sau: Ngày 06/9/2019 (âm lịch) bà N có cho bà L vay số tiền 40.000.000đ và khi vay các bên có làm biên nhận với nhau. Bà L đã vi phạm cam kết, bà N có đến nhà đòi nhiều lần nhưng bà L vẫn không trả. Biên nhận là do bà N viết và bà L có ký tên lúc vay tiền.

Tại phiên tòa, bà N yêu cầu bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M liên đới trả một lần hết số tiền còn nợ là 32.000.000đ và không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Trần Thúy L trình bày: Vợ chồng bà L, ông M thừa nhận có vay của chị N số tiền là 32.000.000đ, chị N có kê thêm tiền lãi nên yêu cầu tôi viết giấy nhận nợ là 40.000.000đ. Chị N là người viết biên nhận và yêu cầu bà L ký tên.

Vợ chồng bà L, ông M có đóng lãi 3.200.000đ/ tháng, đóng được 5 tháng thì không đóng nữa nên mới viết giấy nhận nợ cho chị N. Tại biên nhận nợ có 8.000.000đ tiền lãi nên bà L mới đồng ý ký tên vào giấy mượn tiền.

Tiền lãi có đóng hàng tháng nhưng không có làm giấy tờ hay văn bản gì khác.

Tại phiên tòa, bà L thống nhất có nợ bà N số tiền là 32.000.000đ, nhưng do làm ăn khó khăn nên xin trả dần có bao nhiêu thì trả bấy nhiêu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Duy M trình bày: Vợ chồng ông M có vay của chị N số tiền là 32.000.000đ, chị N kê thêm tiền lãi nên kêu bà L viết giấy nợ 40.000.000đ. Vợ chồng ông có đóng lãi 3.200.000đ/ tháng, đóng được 05 tháng thì không đóng nữa nên vợ ông mới viết giấy nhận nợ cho chị N.

Cách trả nợ: Do làm ăn khó khăn nên xin trả dần và mong chị N không tính lãi nữa.

Tại phiên tòa, bà N và bà L thống nhất số nợ gốc 32.000.000đ, không yêu cầu xem xét lãi đã đóng và lãi chưa đóng nhưng không thống nhất cách trả nợ.

Phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án. Về nội dung đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 32.000.000đ, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 8.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về tố tụng: Ông Phạm Duy M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét về quan hệ pháp luật: Đây là vụ kiện tranh chấp hợp đồng dân sự về vay tài sản được quy định trong Bộ luật dân sự năm 2015, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Huỳnh Ngọc N yêu cầu bị đơn bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M liên đới trả số tiền 32.000.000đ là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ: Việc vay mượn có thể hiện bằng giấy mượn tiền (không ghi ngày, tháng, năm) với số tiền là 40.000.000đ, các bên cũng xác nhận bà N là người viết biên nhận và bà L, bà N cùng ký vào biên nhận. Tại phiên tòa bà N và bà L cũng thống nhất số nợ 32.000.000đ. Vì vậy, cần buộc vợ chồng bà L ông M liên đới trả cho bà N số tiền còn nợ là 32.000.000đ. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền 8.000.000đ.

[4] Xét yêu cầu của bà L, ông M về việc xin trả dần số nợ là không có cơ sở chấp nhận được, do yêu cầu của ông, bà không được bà N đồng ý. Hơn nữa Bộ luật dân sự cũng không quy định thời gian trả chậm nếu các đương sự không có thoả thuận. Phương thức thanh toán nợ như thế nào thuộc thẩm quyền xem xét, giải quyết của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

[5] Đối với phần trình bày của bà L, ông M cho rằng ông, bà đóng lãi 3.200.000đ/ tháng, đóng được 5 tháng thì không đóng nữa nên mới viết giấy nhận nợ cho chị N, nhưng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh và bà N cũng không thừa nhận nên không có cơ sở chấp nhận. Mặt khác, tại phiên tòa các bên thống nhất không yêu cầu xem xét lại phần lãi đã đóng và chưa đóng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: bà L, ông M bị buộc trả số tiền 32.000.000đ, nên phải chịu án phí.

Bà N được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại án phí tạm nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 228; Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự; Tuyên xử:

1/ Xử buộc: Bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M có nghĩa vụ trả số tiền 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) cho bà Huỳnh Ngọc N.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với số tiền 8.000.000đ do nguyên đơn rút yêu cầu.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

2/ Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bà Trần Thúy L và ông Phạm Duy M phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Bà Huỳnh Ngọc N được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 1.000.000đ (một triệu đồng) theo lai thu số 0000276 ngày 02/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương, tỉnh Kiên Giang.

3/ Về quyền kháng cáo: Báo cho bà Huỳnh Ngọc Ng, bà Trần Thúy L được quyền kháng cáo trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/01/2021). Ông M có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 a, b và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Kiên Lương;
- Thi hành án dân sự huyện Kiên Lương;
- Những người TGT;
- Lưu tập án, hồ sơ;
- Lưu VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Minh